

Theo yêu cầu của khách hàng, trong một năm qua, chúng tôi đã dịch qua 16 môn học, 34 cuốn sách, 43 bài báo, 5 sổ tay (chưa tính các tài liệu từ năm 2010 trở về trước) Xem ở đây

**DỊCH VỤ
DỊCH
TIẾNG
ANH
CHUYÊN
NGÀNH
NHANH
NHẤT VÀ
CHÍNH
XÁC
NHẤT**

Chỉ sau một lần liên lạc, việc dịch được tiến hành

Giá cả: có thể giảm đến 10 nghìn/1 trang

Chất lượng: Tạo dựng niềm tin cho khách hàng bằng công nghệ 1. Bạn thấy được toàn bộ bản dịch; 2. Bạn đánh giá chất lượng. 3. Bạn quyết định thanh toán.

Tài liệu này được dịch sang tiếng việt bởi:

www.mientayvn.com

Từ bản gốc:

<https://drive.google.com/folderview?id=0B4rAPqlxIMRDfIBVOnk2SHNlBkR6NHJiN1Z3N2VBaFJpbnlmbjhhqQ3RSc011bnRwbUxsczA&usp=sharing>

Liên hệ dịch tài liệu :

thanhlam1910_2006@yahoo.com hoặc frbwrthes@gmail.com hoặc số 0168 8557 403 (gặp Lâm)

Tìm hiểu về dịch vụ: http://www.mientayvn.com/dich_tiang_anh_chuyen_nghanh.html

Chiral phosphine-prolineamide as an organocatalyst in direct asymmetric aldol reactions

Chiral phosphine-prolineamide 1a was employed as an organocatalyst in direct asymmetric aldol reactions of various aromatic aldehydes with ketones. Cyclohexanone led to the aldol products in up to 98% ee and

Chiral phosphine-prolineamide với vai trò là chất xúc tác hữu cơ trong các phản ứng aldol bất đối xứng trực tiếp

Chiral phosphine-prolineamide 1a được sử dụng như một chất xúc tác hữu cơ trong các phản ứng aldol bất đối xứng trực tiếp của các aldehyde thơm khác nhau với ketones.

with good diastereoselectivity using 10 mol % of TFA and 30 mol % of prolineamide 1a in DMF at 0 °C.

The aldol reaction is considered to be one of the most important C-C bond formations in organic synthesis. After the discovery of the direct intermolecular asymmetric aldol reaction using L-proline as an organocatalyst by List and Barbas in 2000,¹ proline-derived organocatalysts were developed for aldol reactions and many other reactions. Many prolineamide-type organocatalysts from chiral amines, such as phenylethylamine,³ aminoalcohols,^{3b4} BINAM,⁵ and NOBIN,⁶ and also aniline-type compounds without chirality, such as aminophenol,⁷ and 8-aminoquinoline,⁸ have been reported in recent years.

On the other hand, phosphine atom containing pyrrolidine-type organocatalysts such as chiral phosphonates,⁹ phosamides,¹⁰ phosphinyl oxides,¹¹ and MOP-type¹² phosphine-prolineamides have also been reported. In continuation of our studies on the chiral P,N-type ligand design¹³ for transition metal catalysts, we designed chiral phosphine-prolineamide-type compound 1a as a chiral building block from 2-(diphenylphosphino)aniline.

Cyclohexanone cho ra các sản phẩm aldol với ee lên đến 98% và tính chọn lọc đồng phân diastereomer dùng 10 mol% TFA và 30 mol % prolineamide 1a trong DMF ở 0 °C.

Phản ứng aldol được xem là một trong những quá trình hình thành liên kết C-C quan trọng nhất trong quá trình tổng hợp hữu cơ. Sau phát hiện về phản ứng aldol bất đối xứng trực tiếp giữa các phân tử dùng L-proline là chất xúc tác hữu cơ của List và Barbas vào năm 2000,¹ các chất xúc tác hữu cơ có nguồn gốc proline đã được điều chế phục vụ cho các phản ứng aldol và nhiều phản ứng khác. Nhiều loại chất xúc tác hữu cơ loại prolineamide từ các amin chiral chẳng hạn như phenylethylamine,³ aminoalcohols,^{3b4} BINAM,⁵ và NOBIN,⁶ cũng như các hợp chất loại aniline không có tính

Herein we report chiral compound 1a as an organocatalyst for the direct asymmetric aldol reactions of aromatic aldehydes with ketones.

2.1. Preparation of organocatalyst 1

Organocatalyst 1a was easily prepared from N-Boc-proline (Scheme 1). The N-Boc-phosphineamide 2 was obtained by the reaction of ethyl chloroformate in the presence of N-methylmorpholine in THF, followed by amidation with 2-(diphenylphosphino)ani- line.14 This phosphineamide 2 was converted into the desired organocatalyst 1a using TFA in good yield. The phosphine-oxide- type organocatalyst 1b was prepared by the oxidation of 1a using H₂O₂ in CHCl₃.

2.2. Direct asymmetric aldol reactions of ketones using 1

We investigated the ability of chiral phosphine-prolineamide 1a as an organocatalyst for the direct asymmetric aldol reaction of aromatic aldehydes with ketones. p-Nitrobenzaldehyde 3a and cyclohexanone 4a were chosen as model substrates with 30 mol % of catalyst for 48 h under an argon atmosphere at 0 °C (Table 1). Using phosphine-prolineamide 1a as an organocatalyst under neat conditions, we observed that the aldol reaction gave the corresponding product 5aa

in an 80% yield and with good enantioselectivity (96% ee) and diastereoselectivity (anti/syn = 92:8) (entry 1). When the reaction was carried out by adding 10 mol % of TFA as a Brønsted acid¹⁵ in DMF as a solvent, the yield improved to 93% also with high enantioselectivity (97% ee) and diastereoselectivity (anti/ syn = 98:2) (entry 2).¹⁶ When the reaction was carried out using 20 mol % of the catalyst, the enantioselectivity and diastereoselectivity were slightly decreased (95% ee; anti/syn = 97:3) (entry 3). We tested phosphine-oxide-type organocatalyst 1b and found that the reaction rate became slower with moderate diastereoselectivity (entry 4).

Using organocatalyst 1c^{15a17} without the 2-diphenylphosphino group led to a moderate yield (59%) with good diastereoselectivity (entry 5). Under the optimized reaction conditions, we

Scheme 1. Preparation of chiral phosphine-prolineamides 1. We investigated the aldol reactions of various aromatic aldehydes with cyclohexanone 4a using 30 mol % of phosphine-prolineamide 1a and 10 mol % of TFA in DMF at 0 °C (entries 6-13). The reaction with m-nitrobenzaldehyde 3b gave the corresponding product 5ba in moderate enantioselectivity (88% ee)

and with high diastereoselectivity (anti/syn = 98:2) (entry 6). The reaction with o-nitrobenzaldehyde 3c gave the corresponding product 5ca with high enantioselectivity (98% ee) and diastereoselectivity (anti/syn = 98:2) in moderate yield (entry 7). When p-cyanobenzaldehyde 3d was used, the reaction gave product 5da in moderate yield with good enantioselectivity (entry 8). However, the reactions with p-bromobenzaldehyde 3e, methyl 4-formylbenzoate 3f, and p-trifluoromethylbenzaldehyde 3g led to low-to-moderate yields with moderate enantioselectivities (entries 9-11). Using 2,4-dinitrobenzaldehyde 3h gave the product 5ha in high yield and with good enantioselectivity (entry 12). Conversely, the reaction with a heteroaryl containing aldehyde, such as 4-pyridinecarboxaldehyde 3i gave product 5ia in moderate yield with good enantioselectivity (entry 13). We also tested the reaction of p-nitrobenzaldehyde 3a with various ketones (entries 14-16).

Using tetrahydro-4H-pyran-4-one 4b led to good yield (85%) and diastereoselectivity with moderate enantioselectivity (entry 14). The reaction of cyclopentanone 4c gave the corresponding product 5ac with a moderate enantioselectivity in moderate yield (entry 7). When acetone 4d was used, the reaction gave product 5ad in a 48% yield with moderate enantioselectivity (entry

16).

The mechanism of this reaction using organocatalyst 1a is believed to be similar to that of the previously reported prolineamide via an enamine intermediate.^{63,8,153}

Organocatalyst 1a showed a much better ability at controlling the enantioselectivity and diastereoselectivity of the direct aldol reaction than N-phenylprolineamide 1c. At this stage, we propose that not only does the hydrogen bonding between the aryl aldehyde and the amide NH group play an important role in the selectivity but also the steric hindrance of the 2-diphenylphosphino group or p-p interactions⁶¹³ between the aryl aldehyde and the aromatic ring at 2-diphenylphosphino group plays an important role.

3. Conclusion

In conclusion, we found that a chiral phosphine-prolineamide with a 2-(diphenylphosphino)aniline backbone can be employed as an organocatalyst in the direct asymmetric aldol reactions of various aromatic aldehydes with ketones giving up to 98% ee with good diastereoselectivity using 10 mol % of TFA and 30 mol % of catalyst 1a in DMF at 0 °C. Further studies focusing on the

Table 1

Direct asymmetric aldol reaction of ketones using 1a

The reactions were carried out on a 0.25 mmol scale of 3 in DMF (0.375 mL) at 0 °C with 27 equiv of 4 in the presence of 1 (30 mol %) and TFA (10 mol %). Isolated yields (anti/syn).

Determined by ¹H NMR of the crude mixture.

Determined for the anti-isomer by HPLC analysis using a chiral column.

This reaction was carried out without using TFA and DMF.

This reaction was carried out using 20 mol % of 1.

generality of other substrates and the application of 1a and 1b in other reactions are currently in progress in our laboratory and will be reported in due course.

4. Experimental

4.1. Preparation of 2

To a solution of N-Boc-proline (0.65 g, 3.0 mmol) in THF (4.0 mL), were added ClCOOEt (0.32 mL, 3.3 mmol) and N-methyl-morpholine (0.36 mL, 3.3 mmol). After 3 h at -15 °C, 2-(diphenylphosphino)aniline¹³ (0.83 g, 3.0 mmol) in THF (6.0 mL) was added and the stirring was continued for 17 h at room temperature. The reaction mixture was filtered and evaporated under reduced pressure. The residue was purified by silica gel

chromatography (hexane/EtOAc = 8:1): 1.16 g, 2.44 mmol, 81% as a white solid; mp 109-110 °C; $[\alpha]_D^{25} = -103.9$ (c 0.30, CHCl₃); ¹H NMR (CDCl₃) δ 1.25-2.04 (m, 1D₃H), 3.24 and 3.36 (br s and br s, 2H, rotamer), 4.21 and 4.39 (br s and br s, 1H, rotamer), 6.80 (s, 1H), 7.04 (t, J = 7.2 Hz, 1H), 7.22-7.42 (m, 11H), 8.22 (dd, J = 4.7 and 7.9 Hz, 1H), 8.61 (s, 1H, major rotamer), 8.99 (s, 1H, minor rotamer), ¹³C NMR (CDCl₃, major rotamer) δ 23.6, 28.4, 31.0, 46.9, 62.2, 80.6, 121.5 (JCP = 10.0 Hz), 124.9, 126.6 (JCP = 10.5 Hz), 128.7, 128.8, 128.9, 129.2, 130.1, 133.4, 133.5 (JCP = 10.6 Hz), 133.9 (Jcp = 19.6 Hz), 140.4, 154.4, 171.1; ³¹P NMR (CDCl₃) δ -20.5; HRMS (ESI-MS) m/z calcd for C₂₈H₃₁N₂O₃P + Na 497.1965, found 497.1953.

4.2. Preparation of 1a

To a solution of N-Boc-phosphineamide 2 (0.47 g, 1.0 mmol) in CHCl₃ (5.0 mL) was added TFA (1.49 mL, 20.0 mmol). The reaction mixture was stirred for 3 h at 50 °C. Next, the reaction mixture was evaporated under reduced pressure, the residue was diluted with CHCl₃, and quenched with sat. NaHCO₃ aq. The organic layer was washed with water, dried over MgSO₄, and concentrated under reduced pressure. The residue was purified by silica gel chromatography (CHCl₃/MeOH = 60:1): 0.37 g, 0.98 mmol, 98% as a white solid; mp 94-95 °C; $[\alpha]_D^{25} = -$

39.3 (c 0.30, CHCl₃); ¹H NMR (CDCl₃) d 1.27-1.41 (m, 1H), 1.46-1.59 (m, 1H), 1.71-1.81 (m, 1H), 1.92-2.09 (m, 2H), 2.66 (dt, J = 6.4 and 9.3 Hz, 1H), 2.88 (dt, J = 7.0 and 9.9 Hz, 1H), 3.72 (dd, J = 4.7 and 9.3 Hz, 1H), 6.75 (ddd, J = 1.4, 2.8, and 6.3 Hz, 1H), 7.00 (t, J = 7.3 Hz, 1H), 7.257.40 (m, 11H), 8.28 (ddd, J = 0.9, 4.4, and 5.4 Hz, 1H), 10.43 (d, J = 4.6 Hz, 1H); ¹³C NMR (CDCl₃) d 25.8, 30.7, 47.1, 61.1, 121.1 (d, J_{cp} = 2.2 Hz), 124.3 (d, J_{cp} = 1.2 Hz), 126.6 (d, J_{cp} = 11.4 Hz), 128.6 (d, J_{CP} = 2.7 Hz), 128.7 (d, J_{CP} = 3.0 Hz), 129.1, 129.2, 129.9, 133.1 (d, J_{CP} = 1.2 Hz), 133.7 (d, J_{CP} = 19.6 Hz), 134.1 (d, J_{CP} = 19.8 Hz), 134.7 (d, J_{cp} = 7.9 Hz), 134.8 (d, J_{cp} = 7.9 Hz), 140.6 (d, J_{CP} = 18.1 Hz), 173.6 (d, J_{CP} = 2.0 Hz); ³¹P NMR (CDCl₃) d -17.2; HRMS (ESI-MS) m/z calcd for C₂₃H₂₃ON₂P+H 375.1621, found 375.1616.

4.3. Preparation of 1b

To a solution of phosphineamide 1a (0.11 g, 0.3 mmol) in CHCl₃ (2.0 mL) was added hydrogen peroxide (30%) (2.0 mL) at room temperature. The reaction mixture was stirred for 3 h at room temperature. The reaction mixture was diluted with CHCl₃ and 2 M NaOH aq. The organic layer was washed with water, dried over MgSO₄, and concentrated under reduced pressure: 0.11 g, 0.29 mmol, 97%; as a white solid; mp 129-131 °C; [α]_D²⁵ = +36.8 (c 0.30, CHCl₃); ¹H NMR (CDCl₃)

d 1.26-1.38 (m, 1H), 1.46-1.66 (m, 2H), 1.95-2.07 (m, 2H), 2.87-2.98 (m, 2H), 3.70 (dd, J = 4.6 and 9.0 Hz, 1H), 6.92 (ddd, J = 1.5, 7.6, and 14.0 Hz, 1H), 6.99

7.5 (m, 1H), 7.43-7.67 (m, 11H), 8.46 (dd, J = 4.4 and 8.3 Hz, 1H), 11.4 (s, 1H); ¹³C NMR (CDCl₃) 5 25.6, 30.9, 47.1, 61.1, 120.0 (d, JCP = 101.8 Hz), 122.6 (d, JCP = 7.4 Hz), 122.9 (d, JCP = 13.1 Hz),

128.5 (d, JCP = 12.4 Hz), 128.6 (d, JCP = 12.4 Hz), 131.0, 131.7 (d, JCP = 104.9 Hz), 131.8 (d, JCP = 9.5 Hz), 132.1 (d, JCP = 9.5 Hz),

132.1.132.2 (d, Jcp = 2.9 Hz), 132.7 (d, Jcp = 10.5 Hz), 133.2 (d, JCP = 2.9 Hz), 142.9 (d, JCP = 3.8 Hz), 174.9; ³¹P NMR (121 MHz, CDCl₃) 5 34.5; HRMS (FAB-MS) m/z calcd for C₂₃H₂₃N₂O₂P + H 391.1575, found 391.1576.

4.4. General procedure for the direct asymmetric aldol reaction of ketones using 1

To a mixture of aryl aldehyde 3 (0.25 mmol), and chiral phosphineamide 1 (0.075 mmol) in DMF (0.275 mL) were added TFA (0.025 mmol) in DMF (0.25 M, 0.1 mL) and ketone 4 (6.75 mmol) at 0 °C under an argon atmosphere. After 48 h, the reaction mixture was quenched with satd NH₄Cl (aq) and diluted with EtOAc. The organic layer was washed with water and brine, and dried over MgSO₄. The filtrate was concentrated with a rotary

evaporator and the residue was purified by column chromatography.

4.4.1. Compound 5aa6a (Table 1, entry 2)

93% yield [mixture of anti- and syn-products (anti/syn = 98:2)]; 97% ee; $[\alpha]_D^{20} = +10.0$ (c 0.50, CHCl₃); ¹H NMR (CDCl₃) δ 1.25-1.86 (m, 5H), 2.08-2.18 (m, 1H), 2.31-2.64 (m, 3H), 4.09 (d, J = 3.1 Hz, 1H), 4.90 (dd, J = 2.9 and 8.4 Hz, 1H), 7.51 (d, J = 8.7 Hz, 2H), 8.22 (d, J = 8.7 Hz, 2H); ¹³C NMR (CDCl₃) δ 24.6, 27.6, 30.7, 42.7, 57.2, 74.0, 123.6, 127.8, 147.5, 148.3, 214.7; HRMS(ESI-MS) m/z calcd for C₁₃H₁₅O₄N + Na 272.0893, found 272.0891; HPLC (Daicel CHIR-ALPAK® AD-H, 0.46 / x 25 cm, UV 254 nm) tR (major) = 33.3 min, tR (minor) = 25.9 min (hexane/2-propanol = 80:20, 0.5 mL/min).

4.4.2. Compound 5ba18 (Table 1, entry 6)

71% yield [mixture of anti- and syn-products (anti/syn = 98:2)]; 88% ee; $[\alpha]_D^{20} = +26.9$ (c 0.50, CHCl₃); ¹H NMR (CDCl₃) δ 1.32-1.86 (m, 5H), 2.09-2.18 (m, 1H), 2.32-2.43 (m, 1H), 2.47-2.55 (m, 1H), 2.58-2.67 (m, 1H), 4.14 (d, J = 3.0 Hz, 1H), 4.90 (dd, J = 2.9, 8.5 Hz, 1H), 7.53 (t, J = 7.9 Hz, 1H), 7.68 (d, J = 7.7 Hz, 1H), 8.15-8.22 (m, 2H), ¹³C NMR (CDCl₃) δ 24.6, 27.6, 30.7, 42.6, 57.1, 74.0, 122.0, 122.9, 129.3, 133.2, 143.2, 148.2, 214.9; HRMS (ESI-MS) m/z calcd

for C₁₃H₁₅O₄N+Na 272.0893, found 272.0892; HPLC (Daicel CHIR-ALPAK® AD-H, 0.46 ux25 cm, UV 220 nm) tR (major) = 37.1 min, tR (minor) = 47.5 min (hexane/2-propanol = 92:8, 0.8 mL/min).

4.4.3. Compound 5ca6a (Table 1, entry 7)

64% yield [mixture of anti- and syn-products (anti/syn = 98:2)]; 98% ee; [a]_D = +10.0 (c 0.50, CHCl₃); ¹H NMR (CDCl₃) δ 1.52-1.88 (m, 5H), 2.05-2.18 (m, 1H), 2.28-2.50 (m, 2H) 2.72-2.80 (m, 1H) 4.20 (s, 1H), 5.45 (d, J = 7.0 Hz, 1H), 7.41-7.46 (m, 1H), 7.64 (td, J = 1.2, 7.6 Hz, 1H), 7.77 (dd, J = 1.4 and 7.9 Hz, 1H), 7.85 (dd, J = 1.2 and 8.2 Hz, 1H); ¹³C NMR (CDCl₃) δ 25.0, 27.7, 31.1, 42.8,

57.3, 69.8, 124.1, 128.4, 129.0, 133.1, 136.6, 214.9; HRMS(ESI-MS) m/z calcd for C₁₃H₁₅O₄N + Na 272.0893, found 272.0892; HPLC (Daicel CHIRALPAK® AD-H, 0.46 / x 25 cm, UV 220 nm) tR (major) = 29.4 min, tR (minor) = 31.5 min (hexane/2-propanol = 92:8, 0.8 mL/min).

4.4.4. Compound 5da6a (Table 1, entry 8)

77% yield [mixture of anti- and syn-products (anti/syn = 95:5)]; 92% ee; [a]_D = +24.4 (c 0.50, CHCl₃); ¹H NMR (CDCl₃) δ 1.25-1.43 (m, 1H), 1.48-1.85 (m, 4H), 2.08-2.14 (m, 1H), 2.31-2.41 (m, 1H) 2.47-2.62 (m, 2H), 4.06 (d, J = 3.0 Hz, 1H), 4.84 (dd, J = 2.5 and

8.4 Hz, 1H), 7.43-7.46 (m, 2H), 7.63-7.66 (m, 2H); ¹³C NMR (CDCl₃) d 24.7, 27.6, 30.7, 42.6, 57.1, 74.2, 111.7, 118.7, 127.7, 132.2, 146.3, 214.8; HRMS(ESI-MS) m/z calcd for C₁₄H₁₅O₂N + Na 252.0995, found 252.0995; HPLC (Daicel CHIRALPAK® AD-H, 0.46 / x 25 cm, UV 254 nm) tR (major) = 33.9 min, tR (minor) = 26.8 min (hexane/2-propanol = 90:10, 1.0 mL/min).

4.4.5. Compound 5ea19 (Table 1, entry 9)

37% yield [mixture of anti- and syn-products (anti/syn = 84:16)]; 60% ee; [α]_D^o = +6.1 (c 0.50, CHCl₃); ¹H NMR (CDCl₃) d 1.21-1.37 (m, 1H), 1.46-1.83 (m, 4H), 2.06-2.15 (m, 1H), 2.30-2.60 (m, 3H), 3.99 (s, 1H), 4.75 (d, J = 8.7 Hz, 1H), 7.18-7.22 (m, 2H), 7.45-7.50 (m, 2H); ¹³C NMR (CDCl₃) d 24.7, 27.7, 30.7, 42.7, 57.3, 74.2,

121.7, 128.7, 131.5, 140.0, 215.3; HRMS(ESI-MS) m/z calcd for C₁₃H₁₅O₂Br + Na 305.0148, found 305.0146; HPLC (Daicel CHIRALPAK® AD-H, 0.46 / x 25 cm, UV 254 nm) tR (major) = 19.6 min, tR (minor) = 16.8 min (hexane/2-propanol = 90:10, 1.0 mL/min).

4.4.6. Compound 5fa19 (Table 1, entry 10)

67% yield [mixture of anti- and syn-products (anti/syn = 88:12)]; 73% ee; [α]_D⁰ = +12.5 (c 0.50, CHCl₃); ¹H NMR (CDCl₃) d 1.25-1.38 (m, 1H), 1.47-1.82 (m, 4H), 2.06-2.14 (m, 1H), 2.31-2.65 (m, 3H) 3.92 (s, 3H),

4.03 (s, 1H), 4.85 (d, J = 8.6 Hz, 1H), 7.40 (d, J = 8.1 Hz, 2H), 8.02 (d, J = 8.1 Hz, 2H); ¹³C NMR (CDCl₃) d 24.7,

27.7, 30.7, 42.7, 52.1, 57.3, 74.4, 127.0, 129.65, 129.68, 146.0, 166.8, 215.1; HRMS(ESI-MS) m/z calcd for C₁₅H₁₈O₄ + Na 285.1097, found 285.1092; HPLC (Daicel CHIRALPAK® AS-H, 0.46 / x 25 cm, UV 254 nm) tR (major) = 28.4 min, tR (minor) = 44.9 min (hexane/2-propanol = 80:20, 0.8 mL/min).

4.4.7. Compound 5ga6a (Table 1, entry 11)

57% yield [mixture of anti- and syn-products (anti/syn = 90:10)]; 78% ee; [α]_D = +16.3 (c 0.50, CHCl₃); ¹H NMR (CDCl₃) d 1.26-1.41 (m, 1H), 1.48-1.84 (m, 4H), 2.07-2.16 (m, 1H), 2.31-2.64 (m, 3H),

4.5 (s, 1H), 4.85 (d, J = 8.6 Hz, 1H), 7.45 (d, J = 8.2 Hz, 2H), 7.61 (d, J = 8.1 Hz, 2H); ¹³C NMR (CDCl₃) d 24.7, 27.7, 30.7, 42.7, 57.2, 74.3, 121.3 (q, JCF = 271.8 Hz), 125.3 (q, JCF = 3.85Hz), 127.4, 130.1 (q, JCF = 32.4Hz), 145.0, 215.1; HRMS(ESI-MS) m/z calcd for C₁₄H₁₅O₂F₃+Na 295.0916, found 295.0914; HPLC (Daicel CHIR-ALPAK® AD-H, 0.46 / x 25 cm, UV 220 nm) tR (major) = 16.3 min, tR (minor) = 12.8 min (hexane/2-propanol = 90:10, 1.0 mL/min).

4.4.8. Compound 5ha20 (Table 1, entry 12)

100% yield [mixture of anti- and

syn-products (anti/syn = 98:2)]; 90% ee; $[\alpha]_{D0} = +11.5$ (c 0.50, CHCl₃); ¹H NMR (CDCl₃) δ 1.55-1.93 (m, 5H), 2.05-2.18 (m, 1H), 2.28-2.50 (m, 2H) 2.71-2.89 (m, 1H), 4.32 (d, J = 5.8 Hz, 1H), 5.52 (t, J = 5.9 Hz, 1H), 8.08 (d, J = 8.7 Hz, 1H), 8.48 (dd, J = 2.3 and 8.7 Hz, 1H), 8.75 (d, J = 2.3 Hz, 1H); ¹³C NMR (CDCl₃) δ 24.9, 27.7, 31.4, 42.8, 56.9, 70.1, 119.8, 127.1, 131.0, 143.8, 147.0, 148.1, 214.5; HRMS(ESI-MS) m/z calcd for C₁₃H₁₄O₆N₂+Na 317.0744, found 317.0741; HPLC (Daicel CHIRALPAK® AD-H, 0.46 / x 25 cm, UV 254 nm) tR (major) = 37.3 min, tR (minor) = 33.2 min (hexane/2-propanol = 85:15, 0.7 mL/min).

4.4.9. Compound 5ia18 (Table 1, entry 13)

58% yield [mixture of anti- and syn-products (anti/syn = 96:4)]; 93% ee; $[\alpha]_{D0} = +13.9$ (c 0.50, CHCl₃); ¹H NMR (CDCl₃) δ 1.25-1.87 (m, 5H), 2.06-2.18 (m, 1H), 2.30-2.63 (m, 3H), 4.03 (br s, 1H), 4.78 (d, J = 8.2 Hz, 1H), 7.25-7.26 (m, 2H), 8.59 (d, J = 4.9 Hz, 2H); ¹³C NMR (CDCl₃) δ 24.7, 27.7, 30.8, 42.7, 56.8, 73.7, 122.0, 149.8, 149.9, 214.8; HRMS(ESI-MS) m/z calcd for C₁₂H₁₅O₂N + Na 228.0995, found 228.0993; HPLC (Daicel CHIRALPAK® AD-H, 0.46 / x 25 cm, UV 220 nm) tR (major) = 44.3 min, tR (minor) = 39.6 min (hexane/2-propanol = 98:2, 0.8 mL/min).

4.4.10. Compound 5ab6a
(Table 1, entry 14)

85% yield [mixture of anti- and syn-products (anti/syn = 91:9)]; 83% ee; [a]_D = -6.9 (c 0.50, CHCl₃); ¹H NMR (CDCl₃) δ 2.51-2.57 (m, 1H), 2.64-2.70 (m, 1H), 2.88-2.92 (m, 1H), 3.46 (dd, J = 10.0 and 11.3 Hz, 1H), 3.70-4.22 (m, 3H), 4.97-5.00 (m, 1H), 7.52 (d, J = 8.7 Hz, 2H), 8.24 (dt, J = 2.0 and 6.8 Hz, 2H); ¹³C NMR (CDCl₃) δ 42.8, 57.6, 68.3, 69.8, 71.3, 123.7, 123.8, 126.3, 127.4, 147.3, 147.7, 209.3; HRMS (Negative ESI-MS) m/z calcd for C₁₂H₁₃NO₅-H 250.0721, found 250.0723; HPLC (Daicel CHIRALPAK® AD-H, 0.46 / x 25 cm, UV 254 nm) tR (major) = 76.1 min, tR (minor) = 66.7 min (hexane/2-propanol = 90:10, 0.8 mL/min).

4.4.11. Compound 5ac6a
(Table 1, entry 15)

54% yield [mixture of anti- and syn-products (anti/syn = 34:66)]; 84% ee; [a]_D = -29.9 (c 0.50, CHCl₃); ¹H NMR (CDCl₃) δ 1.47-1.84 (m, 3H), 1.95-2.02 (m, 1H), 2.10-2.53 (m, 3H), 4.77 (s, 1H), 4.85 (d, J = 9.2 Hz, 1H), 7.51-7.56 (m, 2H), 8.20-8.24 (m, 2H); ¹³C NMR (CDCl₃) δ 20.3, 26.8, 38.6, 55.1, 74.4, 123.7, 127.3, 147.6, 148.6, 222.2; HRMS (ESI-MS) m/z calcd for C₁₂H₁₃O₄N + Na 258.0737, found 258.0735; HPLC (Daicel CHIRALPAK® AD-H, 0.46 / x 25 cm, UV 254 nm) tR (major) = 108.2 min, tR (minor) = 102.1 min (hexane/2-propanol = 95:5, 0.5 mL/min).

4.4.12. Compound 5ad6a
(Table 1, entry 16)

48% yield; 62% ee; $[\alpha]_D^{20} = +27.4$ (c 0.50, CHCl₃); ¹H NMR(CDCl₃) δ 2.22 (s, 3H), 2.85 (d, J = 8.1 Hz, 1H), 2.86 (d, J = 4.1 Hz, 1H), 3.61 (s, 1H), 5.26 (dd, J = 4.6, 7.5 Hz, 1H), 7.52-7.55 (m, 2H), 8.19-8.23 (m, 2H); ¹³C NMR (CDCl₃) δ 30.7, 51.5, 68.9, 123.8, 126.4, 147.3, 149.9, 208.5; HRMS(ESI-MS) m/z calcd for C₁₀H₁₁O₄N+Na 232.0580, found 232.0584; HPLC (Daicel CHIRALPAK® AS-H, 0.46 / x 25 cm, UV 254 nm) tR (major) = 32.1 min, tR (minor) = 39.1 min (hexane/2- propanol = 70:30, 0.5 mL/min).